

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
NĂM 2024 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số: 277/QĐ-ĐHTG ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Trường Đại học Tiền Giang)

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TĐ	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCL TL	Hạng Tốt nghiệp
I. KHOA KINH TẾ - LUẬT (23 sinh viên)															
1	020152032	Huỳnh Ngọc Khánh Vy	Nữ	30/09/2001	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Du lịch	ĐH	CQ	80,86	126	2.81	Khá
2	020152039	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	23/01/2002	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Du lịch	ĐH	CQ	80,00	126	2.31	Trung bình
3	020152041	Nguyễn Hoàng Long	Nam	07/03/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Du lịch	ĐH	CQ	71,71	126	2.86	Khá
4	020152069	Trần Thị Kiều Mi	Nữ	31/05/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Du lịch	ĐH	CQ	77,14	126	2.50	Khá
5	020152077	Nguyễn Đặng Như Quyên	Nữ	14/08/2002	Long An	Kinh	Việt Nam	2020	Du lịch	ĐH	CQ	71,14	126	2.96	Khá
6	018102043	Nguyễn Thị Thúy Duy	Nữ	17/01/2000	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2018	Kế toán	ĐH	CQ	73,75	127	2.46	Trung bình
7	019102016	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	22/08/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2019	Kế toán	ĐH	CQ	71,43	129	2.22	Trung bình
8	019102112	Trương Nguyễn Mỹ Linh	Nữ	24/08/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2019	Kế toán	ĐH	CQ	71,75	127	2.60	Khá
9	019102117	Nguyễn Thị Thu An	Nữ	20/04/2001	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2019	Kế toán	ĐH	CQ	74,13	127	2.53	Khá
10	019102139	Phạm Ngọc Hué Trân	Nữ	30/04/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2019	Kế toán	ĐH	CQ	72,71	127	2.49	Trung bình
11	019102145	Nguyễn Thị Yến Mi	Nữ	16/07/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2019	Kế toán	ĐH	CQ	78,00	127	3.20	Giỏi
12	020102097	Bùi Thị Thùy Trang	Nữ	29/05/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Kế toán	ĐH	CQ	81,29	127	2.80	Khá

SĐT	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TĐ	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCL TL	Hạng Tốt nghiệp
13	020102118	Trần Thị Ngân	Nữ	23/08/2002	Bến Tre	Kinh Nam	Việt Nam	2020	Kế toán	DH	CQ	71,00	125	2.39	Trung bình
14	021102048	Nguyễn Cao Hải Thanh	Nữ	20/10/1999	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2021	Kế toán	DH	CQ	71,80	127	3.42	Giỏi
15	019154094	Lê Thị Bảo Trân	Nữ	02/11/2001	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2019	Luật	DH	CQ	73,57	126	2.38	Trung bình
16	017115039	Bùi Thị Diệu Thảo	Nữ	04/10/1999	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2017	Quản trị kinh doanh	DH	CQ	71,88	137	2.24	Trung bình
17	020115022	Phan Ngọc Tài	Nam	30/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	Kinh Nam	Việt Nam	2020	Quản trị kinh doanh	DH	CQ	83,00	125	3.36	Giỏi
18	020115075	Trần Thị Phương Dung	Nữ	17/07/2002	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2020	Quản trị kinh doanh	DH	CQ	74,00	126	2.88	Khá
19	020115088	Nguyễn Thị Kim Thi	Nữ	03/08/2002	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2020	Quản trị kinh doanh	DH	CQ	72,43	126	2.83	Khá
20	020115133	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	Nữ	24/01/2001	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2020	Quản trị kinh doanh	DH	CQ	81,43	124	3.03	Khá
21	019148031	Phạm Ngọc Khánh Vy	Nữ	06/10/2001	Bến Tre	Kinh Nam	Việt Nam	2019	Tài chính - Ngân hàng	DH	CQ	74,86	125	2.29	Trung bình
22	020148062	Nguyễn Thị Kim Xuyến	Nữ	28/10/2001	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2020	Tài chính - Ngân hàng	DH	CQ	69,86	127	2.89	Khá
23	020148072	Lê Thị Hoài Mỹ	Nữ	12/11/2002	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2020	Tài chính - Ngân hàng	DH	CQ	78,00	125	3.16	Khá

II. KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ (05 sinh viên)

1	018146011	Bùi Thanh Cường	Nam	10/05/2000	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2018	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DH	CQ	75,86	127	2.68	Khá
2	017147014	Trương Thanh Tiến	Nam	10/11/1999	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	DH	CQ	84,00	138	2.72	Khá
3	019109019	Nguyễn Thành Danh	Nam	28/03/2000	Tiền Giang	Kinh Nam	Việt Nam	2019	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DH	CQ	64,75	124	2.26	Trung bình
4	020101031	Ngô Tiến Đạt	Nam	24/05/2002	Bến Tre	Kinh Nam	Việt Nam	2020	Công nghệ Thông tin	DH	CQ	74,00	125	2.61	Khá

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TĐ	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBC TL	Hạng Tốt nghiệp
5	020101107	Nguyễn Huỳnh Nhân	Nam	31/01/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	69,57	125	2.48	Trung bình

III. KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (28 sinh viên)

1	020123006	Nguyễn Nhật Vy	Nam	26/05/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Bảo vệ thực vật	ĐH	CQ	75,29	126	2.94	Khá
2	020123009	Nguyễn Huỳnh Như Ý	Nữ	01/11/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Bảo vệ thực vật	ĐH	CQ	93,00	126	3.13	Khá
3	020123013	Nguyễn Minh Tân	Nam	08/07/2002	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Bảo vệ thực vật	ĐH	CQ	75,00	126	2.82	Khá
4	020123017	Võ Trung Hoàng	Nam	13/04/2002	Long An	Kinh	Việt Nam	2020	Bảo vệ thực vật	ĐH	CQ	75,86	126	2.98	Khá
5	020123019	Cao Thị Kim Ngân	Nữ	10/12/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Bảo vệ thực vật	ĐH	CQ	79,57	126	2.60	Khá
6	020123020	Trần Nguyễn Duy Thức	Nam	21/04/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Bảo vệ thực vật	ĐH	CQ	71,43	126	3.64	Xuất sắc
7	020103011	Nguyễn Thị Diễm Kiều	Nữ	05/06/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Công nghệ Thực phẩm	ĐH	CQ	86,00	126	3.40	Giỏi
8	020103023	Nguyễn Thị Thúy Vy	Nữ	01/11/2002	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Công nghệ Thực phẩm	ĐH	CQ	89,43	124	3.09	Khá
9	020103027	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nữ	03/05/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Công nghệ Thực phẩm	ĐH	CQ	85,43	126	3.66	Xuất sắc
10	020153003	Đoàn Minh Trọng	Nam	03/12/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	ĐH	CQ	76,57	127	2.38	Trung bình
11	020153005	Tạ Quang Khải	Nam	04/08/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	ĐH	CQ	77,14	127	2.84	Khá
12	020153006	Nguyễn Hữu Chiến	Nam	17/04/2002	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	ĐH	CQ	71,86	127	2.87	Khá
13	020153008	Ngô Phương Khanh	Nữ	14/11/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	ĐH	CQ	82,71	127	3.01	Khá
14	020153009	Nguyễn Ngân Bình	Nữ	24/10/2000	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	ĐH	CQ	83,57	127	3.02	Khá
15	020153010	Đặng Thị Như Bình	Nữ	19/02/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	ĐH	CQ	73,86	127	2.66	Khá
16	020153011	Nguyễn Thị Diễm Trang	Nữ	16/05/2002	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	ĐH	CQ	83,29	127	3.41	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TP	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCTL	Hạng Tốt nghiệp
17	020153012	Nguyễn Minh Nhật		Nam	23/11/2002	Bạc Liêu	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	DH	CQ	71,86	127	2.82	Khá
18	020153013	Lê Minh Kim Thoa		Nữ	06/10/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	DH	CQ	86,29	127	3.69	Xuất sắc
19	020153014	Lê Minh Tuấn		Nam	26/08/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Chăn nuôi	DH	CQ	74,00	127	2.68	Khá
20	020124002	Huỳnh Thị Cẩm Tiên		Nữ	04/06/1999	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	93,86	127	3.49	Giỏi
21	020124003	Nguyễn Xuân Khởi		Nam	18/02/2002	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	83,43	127	2.95	Khá
22	020124005	Trần Trọng Nhân		Nam	15/04/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	78,57	127	3.01	Khá
23	020124006	Nguyễn Tấn Thành		Nam	27/03/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	80,14	127	2.90	Khá
24	020124007	Huỳnh Hoàng Diện		Nam	10/04/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	88,43	127	2.79	Khá
25	020124010	Nguyễn Thanh Thiện		Nam	03/12/2001	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	87,86	127	3.22	Giỏi
26	020124011	Nguyễn Văn Tính		Nam	07/03/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	77,29	127	2.91	Khá
27	020124013	Đoàn Lộc		Nam	09/07/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	77,14	127	3.00	Khá
28	020124030	Nguyễn Minh Tấn		Nam	30/07/2002	Quảng Nam	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	DH	CQ	84,43	127	3.39	Giỏi

IV. KHOA SƯ PHẠM VÀ KHOA HỌC CƠ BẢN (12 sinh viên)

1	120125008	Dương Thị Hoàng Oanh		Nữ	20/07/1998	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Giáo dục tiểu học	DH	CQ	94,29	118	3.53	Giỏi
2	120122015	Huỳnh Ngọc Ngân		Nữ	10/08/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Ngữ văn	DH	CQ	83,14	125	2.77	Khá
3	120122025	Nguyễn Ngọc Thu Lộc		Nữ	14/09/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Ngữ văn	DH	CQ	92,43	125	3.36	Giỏi
4	120122027	Phạm Thị Hồng Thắm		Nữ	18/01/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Ngữ văn	DH	CQ	71,43	125	2.99	Khá
5	120122034	Phạm Thị Thùy Dương		Nữ	08/01/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Ngữ văn	DH	CQ	83,57	125	3.02	Khá

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TĐ	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBC TL	Hạng Tốt nghiệp
6	120122037	Phạm Thị Thanh Mai	Nữ	13/05/1996	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Ngữ văn	ĐH	CQ	70,57	125	3.19	Khá
7	120121005	Trần Hữu Khải	Nam	13/02/1998	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	85,71	125	3.88	Xuất sắc
8	120121007	Đặng Minh Tâm	Nam	02/09/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	97,00	127	3.97	Xuất sắc
9	120121013	Nguyễn Thị Ngọc Dư	Nữ	10/02/2002	Long An	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	81,29	125	3.48	Giỏi
10	120121059	Huỳnh Tấn Huy	Nam	31/07/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	81,00	125	3.61	Xuất sắc
11	120121060	Lương Thị Kiều Oanh	Nữ	15/07/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	76,29	111	3.20	Giỏi
12	117144012	Trương Cẩm Tú	Nữ	07/08/1999	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2017	Văn học	ĐH	CQ	76,50	140	2.21	Trung bình

Danh sách có 68 sinh viên./.

Thông kê hạng TN	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	6	8,82%
Giỏi	12	17,65%
Khá	38	55,88%
Trung bình	12	17,65%
Tổng cộng	68	100%

Thông kê theo trình độ/HTĐT	SL	Tỷ lệ
Đại học chính quy	68	100%
Tổng cộng	68	100%



NGƯỜI LẬP BẢNG

[Handwritten signature]

Ngô Vũ Hoàng Trung

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

[Handwritten signature]

Trần Quang Hiền

HIỆU TRƯỞNG



Võ Ngọc Hà